

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 01-3-2019

V/v: Ly hôn và tranh chấp
nuôi con chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

Các Thẩm phán: Ông Hà Viết Toàn

Bà Nguyễn Thị Xuân Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Mỹ Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Ông Lê Thế Nhơn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 3 năm 2019, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2019/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019 về “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 10/2018/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2019/QĐ-PT ngày 16 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn D, huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Kim P, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn D, huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Lê Thị Kim P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Trần Văn T và bà Lê Thị Kim P tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 27/9/2005 tại UBND thị trấn D, huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai. Do quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên ông T xin ly hôn với bà P và đề nghị giao con chung là cháu Trần Thị Phú Q, sinh ngày 09/9/2006 và cháu Trần Thị Như Qu, sinh ngày 12/8/2008 cho chị P nuôi dưỡng và sẽ có nghĩa vụ cấp

dưỡng nuôi con với số tiền 1.000.000đ/tháng đối cho hai cháu Q và Qu; ông T đề nghị được nuôi cháu Trần Lê Thái B, sinh ngày 22/10/2014. Trong trường hợp bà P được nuôi cả 03 con chung thì ông T cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.000.000đ/tháng đối với mỗi người con. Ông T không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Bà Lê Thị Kim P đồng ý ly hôn với ông T và đề nghị được nuôi 03 con chung; ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.000.000đ/tháng đối với mỗi người con. Bà P yêu cầu giải quyết về phần nợ chung nhưng bà không làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Giải quyết của tòa án cấp sơ thẩm:

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 10/2018/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 10 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Đắk Đoa, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ các Điều 28; 35; 39; 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56; 57; 58; 81; 82; 83; 84 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015,

Xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con chung của anh Trần Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T được ly hôn với chị Lê Thị Kim P.

- Về nuôi con chung: Giao các cháu Trần Thị Phú Q, sinh ngày 09/9/2006; Trần Thị Như Qu, sinh ngày 12/8/2008 và Trần Lê Thái B, sinh ngày 22/10/2014 cho chị Lê Thị Kim P trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động, bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cả 03 con chung Trần Thị Phú Q; Trần Thị Như Qu và Trần Lê Thái B; cấp dưỡng hàng tháng với mức cấp dưỡng cho mỗi con là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng cho đến khi các con thành niên hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động, bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự và không có tài sản để tự nuôi mình.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền và nghĩa vụ nuôi con; tuyên nghĩa vụ nộp án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

3. Về kháng cáo, kháng nghị:

- Ngày 26 tháng 10 năm 2018, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Nguyên đơn ông T không kháng cáo

- Bản án không bị kháng nghị.

4. Diễn biến phiên tòa:

- Bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì, không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên nội dung kháng cáo với lý do: Về hôn nhân bà P không đồng ý ly hôn vì Tòa án không giải quyết phân chia tài sản cho bà và chỉ đồng ý ly hôn nếu Tòa giải quyết chia tài sản. Về con chung bà P yêu cầu được nuôi cháu Trần Thị Phú Q và cháu Trần Thị Như Qu và đề nghị ông T cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng cho cháu Qu, không yêu cầu cấp dưỡng đối với cháu Q và giao con chung là cháu Trần Lê Thái B cho ông T nuôi dưỡng và bà P không cấp dưỡng nuôi cháu B. Về tài sản bà yêu cầu giải quyết về phần nợ chung và bà công nhận đã nhận được thông báo về việc làm đơn khởi kiện của Tòa án cấp sơ thẩm nhưng bà không thực hiện việc làm đơn đối với yêu cầu phân chia tài sản.

- Ý kiến nguyên đơn: Về hôn nhân ông T yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn với bà P. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông đồng ý với yêu cầu của bà P. Về tài sản: Ông T không yêu cầu giải quyết.

- Các đương sự thỏa thuận thống nhất về phần nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

- Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Kim P, sửa bản án sơ thẩm về phần con chung và cấp dưỡng nuôi con. Bà P không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật và thụ lý giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng, đầy đủ tư cách của những người tham gia tố tụng.

[2] Về kháng cáo của bà P đối với quan hệ hôn nhân:

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch”. Trong vụ án này, ông T và bà P có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn D, huyện Đắk Đoa nên hôn nhân của hai ông bà là hợp pháp. Tại hồ sơ vụ án qua kết quả xác minh tại địa phương, ông Nguyễn Thu - Tổ trưởng tổ dân phố 3 cung cấp: Ông T và bà P thường xuyên cãi nhau, đánh nhau và đã được địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Ông T và bà P đã không còn sống chung với nhau từ giữa năm 2017 đến nay. Và tại phiên tòa phúc thẩm bà P không đồng ý ly hôn với ông T với lý do chưa được phân chia tài sản là không phù hợp. Do đó, có đủ căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân giữa hai ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân gia đình, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu ly hôn là phù hợp.

[3] Về kháng cáo yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung là cháu Trần Thị Phú Quý, sinh ngày 09/9/2006; Trần Thị Như Quỳnh, sinh ngày 12/8/2008; Trần Lê Thái Bảo, sinh ngày 22/10/2014.

Tại khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định “Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên...”.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông T và bà P thỏa thuận thống nhất về con chung: Bà P nuôi dưỡng cháu là Trần Thị Phú Q và cháu Trần Thị Như Quỳnh. Ông T nuôi dưỡng cháu Trần Lê Thái B. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng cho cháu Quỳnh cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động, bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự và không có tài sản để tự nuôi mình và không yêu cầu cấp dưỡng đối với cháu Quý. Bà P không cấp dưỡng đối với cháu Bảo.

Xét thấy thỏa thuận giữa ông T và bà P là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về kháng cáo đối với tài sản chung và nợ chung: Trong vụ án này, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ chung.

Bà P có ý kiến liên quan đến việc giải quyết nợ, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm đã ra thông báo yêu cầu bà làm đơn nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà không thực hiện. Tại phiên tòa phúc thẩm không có căn cứ để xem xét kháng cáo của bà về nội dung này. Bà P có quyền khởi kiện vấn đề liên quan đến chia tài sản và nợ chung bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà P, căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm về phần con chung và cấp dưỡng nuôi con.

Do kháng cáo được chấp nhận nên bà P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lý do trên:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn là bà Lê Thị Kim P. Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 10/2018/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Đoa, tỉnh Gia Lai về phần con chung và cấp dưỡng nuôi con:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn T được ly hôn với bà Lê Thị Kim P.

- Về con chung: Giao cháu Trần Thị Phú Q, sinh ngày 09/9/2006 và cháu Trần Thị Như Qu, sinh ngày 12/8/2008 cho bà Lê Thị Kim P trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động, bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự và không có tài sản để tự nuôi mình.

Giao cháu Trần Lê Thái B, sinh ngày 22/20/2014 cho ông Trần Văn T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động, bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trần Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng cho cháu Trần Thị Như Qu cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động, bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc cấp dưỡng.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Bà Lê Thị Kim P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm trả lại cho bà P số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002789 ngày 09/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Đoa, tỉnh Gia Lai.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện Đắk Đoa;
- Chi cục THADS huyện Đắk Đoa;
- Các đương sự;
- Lưu tòa, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Hồng

